

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 17/HONECO/2020

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công Ty Cổ phần Ong Tam Đảo

Địa chỉ: Hướng Lộc, Đạo Đức, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc, Việt Nam

Điện thoại: 0211 3871 369

Mã số doanh nghiệp: 2500214564

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Viên nang Sữa ong chúa Tam Đảo

2. Thành phần: Trong 01 viên nang 500 mg có:

- Sữa ong chúa tươi: 900mg (tương đương 300 mg sữa ong chúa đông khô);

- Tá dược vừa đủ cho 1 viên 500 mg.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 36 tháng từ ngày sản xuất (Ngày sản xuất, ngày hết hạn in trên nắp hoặc nhãn sản phẩm)

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong lọ nhựa, thủy tinh đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.

- Quy cách đóng gói: 60 viên/lọ (1 viên x 500 mg); 100 viên/lọ (1 viên x 500 mg); 120 viên/lọ (1 viên x 500 mg).

6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại: Công Ty Cổ phần Ong Tam Đảo

Địa chỉ: Hướng Lộc, Đạo Đức, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc

III. Mẫu nhãn sản phẩm

- Nhãn dự kiến: Đính kèm hồ sơ

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

- Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất đăng ký:
- Tiêu chuẩn nhà sản xuất số: TCCS 17:2020/HONECO, ngày 09 tháng 07 năm 2020 (có bản tiêu chuẩn sản phẩm đính kèm).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố và chỉ đưa sản phẩm vào sản xuất, kinh doanh khi đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm./.

Vĩnh Phúc, ngày 07 tháng 08 năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



[Signature]
TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Thị Nga



Thành phần /Ingredients:

Sữa ong chúa tươi: 900mg (tương đương 300 mg sữa ong chúa đông khô)

Fresh Royal jelly: 900mg
(Equivalent to 300 mg of freeze-dried royal jelly)

Tá được vừa đủ cho 1 viên 500 mg.

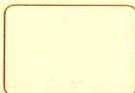
Excipients enough for 1 capsule 500mg

Hướng dẫn sử dụng /Instructions for use:

- Ngày uống hai lần, mỗi lần 2 viên trước bữa ăn sáng và tối trước khi đi ngủ, để bồi bổ cơ thể
- Take twice daily, 2 capsules before breakfast and before bedtime, to nourish the body

Bảo quản /Preservation:

- Đậy kín, để nơi thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
- Cover tightly, store in a cool place, avoid direct sunlight.



VIÊN NANG / CAPSULES

SỮA ONG CHÚA TAM ĐẢO

TAM DAO ROYAL JELLY



Khối lượng tịnh: V 30 g
(60 viên x 500 mg)

Cảnh báo an toàn thực phẩm /Warnings:

-Những người có tiền sử dị ứng với sữa ong chúa thì không nên dùng.

- People with a history of allergy to royal jelly should not use it.

Sản xuất tại nhà máy: **CÔNG TY CỔ PHẦN ONG TAM ĐẢO**
Manufactured in factory: **TAM DAO BEE JSC**

- ĐC: Hương Lộ, Đạo Đức, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc, Việt Nam.

Addr: Hương Lộ, Đạo Đức, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc, Vietnam

- Website: ongiamdao.vn/honeco.com

Số công bố /number announced: 17/HONECO/2020



MADE IN VIETNAM



Xuất xứ: Việt Nam
ISO 22000:2005

SẢN PHẨM CỦA DỰ ÁN CẤP NHÀ NƯỚC SỐ 28/2016 NTMTW. ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KH&CN TRONG VIỆC CHẾ BIẾN CÁC SẢN PHẨM NGÀNH ONG

BẢN TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM

1. Sản phẩm: Viên nang Sữa ong chúa Tam Đảo

2. Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

Công Ty Cổ phần Ong Tam Đảo

Địa chỉ: Hưởng Lộc, Đạo Đức, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc, Việt Nam

3. Trạng thái sản phẩm:

- Dạng bào chế: dạng viên nang cứng
- Màu sắc: vỏ màu cam, ruột màu trắng, dạng bột mịn xốp

4. Thành phần cấu tạo

Trong 01 viên nang 500 mg có:

Sữa ong chúa tươi: 900mg (tương đương 300 mg sữa ong chúa đông khô);

Tá dược vừa đủ cho 1 viên 500 mg.

5. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Độ ẩm	g/100g	≤ 12
2	Độ Axit	g/100g	≤ 40
3	Hàm lượng protein	g/100g	12-20

6. Giới hạn an toàn của sản phẩm

STT	Tên chỉ tiêu	Mức quy định	Đơn vị tính	Mức công bố
1	E.Coli	TCVN: 5375:1991	CFU/g	0
2	Salmonella	TCVN: 5375:1991	CFU/25g	0
3	S.aureus	TCVN: 5375:1991	CFU/g	0
4	Nấm mốc, nấm men	TCVN: 5375:1991	CFU/g	0
5	Arsenic (As)	QCVN 8-2:2011/BYT	ppm	$\leq 1,0$
6	Thủy ngân (Hg)	QCVN 8-2:2011/BYT	ppm	$\leq 0,05$
7	Chì (Pb)	QCVN 8-2:2011/BYT	ppm	$\leq 2,0$

8	Cadimi (Cd)	QCVN 8-2:2011/BYT	ppm	$\leq 1,0$
9	Hàm lượng Aflatoxin B1	Số 46/2007/QĐ-BYT	ppm	≤ 5
10	Hàm lượng Aflatoxin B1B2G1G2	Số 46/2007/QĐ-BYT	ppm	≤ 15

7. Hướng dẫn sử dụng:

Ngày uống hai lần, mỗi lần 2 viên trước bữa ăn sáng và tối trước khi đi ngủ, để bồi bổ cơ thể.

8. Cảnh báo: Những người có tiền sử dị ứng với sữa ong chúa thì không nên dùng.

9. Chất liệu bao bì, quy cách đóng gói:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong lọ nhựa, thủy tinh bên ngoài hộp giấy, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.
- Quy cách đóng gói: 60 viên/lọ (1 viên x 500 mg); 100 viên/lọ (1 viên x 500 mg); 120 viên/lọ (1 viên x 500 mg).

12. Thời hạn sử dụng: 36 tháng từ ngày sản xuất (ngày sản xuất, ngày hết hạn in trên nắp hoặc nhãn sản phẩm)

13. Hướng dẫn bảo quản: Đậy kín, để nơi thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Vĩnh Phúc, ngày 29 tháng 07 năm 2020

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN BAN HÀNH KÝ TÊN, ĐÓNG DẤU



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Thị Nga



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Địa chỉ: Số 65 Phạm Thái Duyệt - Mai Dịch - Cầu Giấy - Hà Nội - Việt Nam
Điện thoại: 84 - 2432262215 / 84 - 2432262216 * Fax: 84 - 2439335738 * Website: www.nifc.gov.vn

Số: 13815/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: Viên Nang Sữa Ong Chúa Tam Đảo
2. Mã số mẫu: 06204343/DV.1
3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong lọ thủy tinh, 60 viên/lọ
Thông tin mẫu viết tay trên lọ - Số lượng: 1
NSX - HSD: không có; Không có mẫu lưu
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có
6. Ngày nhận mẫu: 12/06/2020
7. Thời gian thử nghiệm: 12/06/2020 - 17/06/2020
8. Nơi gửi mẫu: Công ty Cổ phần Ong Tam Đảo
Địa chỉ: Hường Lộc, Đạo Đức, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc
9. Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	Salmonella	/25g	TCVN 10780-1:2017	KPH
9.2	S. aureus	CFU/g	Ref. TCVN 4830-1:2005	KPH (LOD: 10 CFU/g)
9.3*	E. coli	CFU/g	TCVN 7924-2:2008	KPH (LOD: 1 CFU/g)
9.4*	Tổng số nấm men	CFU/g	TCVN 8275-2:2010	KPH (LOD: 1 CFU/g)
9.5*	Tổng số nấm mốc	CFU/g	TCVN 8275-2:2010	KPH (LOD: 1 CFU/g)
9.6*	Độ ẩm	g/100g	NIFC.02.M.02	8,50
9.7*	Hàm lượng Protein	g/100g	NIFC.02.M.03	17,2
9.8*	Độ acid	Số mL NaOH 1N trung hòa 100 g mẫu	NIFC.02.M.08	39,6
9.9*	Hàm lượng Arsenic	mg/kg	NIFC.03.M.45 (ICP-MS)	< LOQ (LOQ: 0,038 mg/kg)
9.10*	Hàm lượng Cadmi	mg/kg	NIFC.03.M.45 (ICP-MS)	< LOQ (LOQ: 0,012 mg/kg)
9.11*	Hàm lượng Chì	mg/kg	NIFC.03.M.45 (ICP-MS)	0,14
9.12*	Hàm lượng Thủy ngân	mg/kg	NIFC.03.M.45 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,003 mg/kg)
9.13	Hàm lượng Aflatoxin B1	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,5 µg/kg)
9.14	Hàm lượng Aflatoxin B1, B2, G1, G2	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,5 µg/kg)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử

Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 2020

KT.VIỆN TRƯỞNG



PHÓ VIỆN TRƯỞNG
TS. Trần Cao Sơn

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm ATVSTPQG
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
4. Chỉ tiêu đánh dấu * là chỉ tiêu được công nhận VILAS
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu theo mẫu quy định